

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **30/2024/HS-ST**

Ngày: 30/01/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doãn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Cường

2. Ông Nguyễn Thanh Danh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** ông Trần Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 259/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2023/QĐXXST-HS ngày 23/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/HSST-QĐ ngày 19/12/2023 đối với các bị cáo:

**1. Phan Thanh H**, Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký thường trú: phường B, quận A, Tp. Hồ Chí Minh

Nơi sinh sống: xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông Phan Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1961.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01

Ngày 10/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 35/2021/QĐ-TA ngày 10/5/2021 thời hạn là 22 tháng, Đ giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính là 03 tháng theo Quyết định số 519/QĐ-TA ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đã chấp hành xong ngày 06/11/2022.

Nhân thân: Ngày 01/12/2017 bị Tòa án nhân dân quận T, Tp. Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện Phước Bình theo Quyết định số

447/2017/QĐ-TA. Chấp hành xong vào ngày 01/3/2019 theo giấy chứng nhận số 172/2019/GCN-CSPB

Ngày 13/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 126/2020/HS-ST). Ngày 28/01/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Đã nộp án phí sơ thẩm ngày 21/01/2023.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/8/2023 và chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

**2. Lê Nguyễn Thu T**, Giới tính: Nữ; Sinh năm 2001, tại tỉnh Thanh Hóa  
Nơi đăng ký thường trú: phường Hòa TH1, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Nơi sinh sống: xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Lê Hồng Q, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1973.

Có chồng là anh Kim Hoàng T, sinh năm 1995. Có 01 con, sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*Các bị cáo có mặt.*

Bị hại: Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1977 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Anh **Nguyễn Minh N1**, sinh năm 2000 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Phạm Ngọc H2**, sinh năm 1966 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện n, tỉnh Bình Phước.

Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1977 (*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: khu phố 1, thị trấn t, huyện t, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống: ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Ông **Trịnh Huy T**, sinh năm 1995 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Thanh H và bị cáo Lê Nguyễn Thu T không có nghề nghiệp ổn định, sống chung với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại nhà trọ ở xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Để có tiền tiêu xài từ ngày 24/3/2023 đến ngày 10/5/2023 bị cáo H và bị cáo T đã 02 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 24/03/2023, bị cáo H mượn xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) của một người bạn chơi ma túy chung (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) mang theo 01 đoạn phá khóa xe chở bị cáo T đi từ xã Bàu Cạn đến xã Phước Thái nhằm mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang qua tiệm tóc “Thành Đ” thuộc ấp 3, xã Phước Thái, huyện

Long Thành bị cáo H phát hiện trước cửa quán có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Fugiar, màu xanh, biển số 60H5-2407 (của anh Đỗ Văn Đ là chủ quán) nên bị cáo H dừng xe lại để trộm cắp, bị cáo T ở ngoài cảnh giới, còn bị cáo H lén lút đi vào trong quán sát không thấy ai nên đi đến dùng thanh đoản sắt mang theo bẻ khóa rồi nổ máy điều khiển xe bỏ chạy về xã Long Phước, bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Wave chạy theo. Sau khi trộm cắp bị cáo H thay đổi kết cấu xe bằng việc sơn lại màu đỏ và thay đổi biển số 60H5-2407 thành biển số 93T3-8073 (biển số do bị cáo H nhặt Đ) tránh bị phát hiện.

Lần 2: Vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 10/5/2023, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 93T3-8073 chở theo bị cáo T đi từ nhà trọ trên đến xã Long Phước, huyện Long Thành để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Bị cáo H chở bị cáo T đi đến ấp Phước Hòa, xã Long Phước, huyện Long Thành thì phát hiện trước sân 01 căn nhà có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen, biển số 95L1-008.00 (của anh Nguyễn Minh N1 chủ nhà) không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo H dừng xe ở ngoài lề đường bên pH, đầu xe quay ra hướng Quốc lộ 51 cách vị trí chiếc xe khoảng 10 m. Bị cáo T ngồi trên xe chờ sẵn để cảnh giới, còn bị cáo H đi vào dùng thanh đoản mang theo bẻ khóa rồi nổ máy điều khiển xe bỏ chạy về hướng ấp Phước Hòa, xã Long Phước. Lúc này, anh N1 phát hiện nên tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Thấy vậy, bị cáo T nổ máy bỏ chạy thì bị anh N1 cùng quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ trình báo cơ quan Công an xã Long Phước đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành điều tra xử lý theo thẩm quyền. Riêng bị cáo H sau khi biết bị cáo T bị bắt. Bị cáo H đã tháo biển số 95L1-008.00 để lại nhà trọ và bán xe cho một đối tượng nghiện ma túy. Sau khi bán xe sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 23/8/2023 bị cáo H bị Công an phường Tân Hưng, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh mời về làm việc do nghi ngờ sử dụng ma túy. Qua đấu tranh bị cáo H khai nhận hành vi trộm cắp như đã nêu trên nên chuyển đến Công an huyện Long Thành để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 274/KL.ĐGTSTT ngày 23/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Fugiar, biển số 60H5-2407 trị giá 1.600.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 271/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô biển số 95L1-008.00, nhãn hiệu honda, loại Wave, màu xanh (xe đã qua sử dụng) trị giá 11.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 239/CT-VKSLT ngày 02/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Thanh H: Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 20 tháng tù.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn Thu T: Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: 01 biển số 95L1-008.00, cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bị hại Nguyễn Minh N1.

01 xe mô tô biển số 60H5-2407, số máy:152FM00004259, số khung: FG2020975, nhãn hiệu Fugiar, màu xanh, cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bị hại Đỗ Văn Đ (xe này anh Đ mua lại của anh Nguyễn Văn H1 nhưng chưa sang tên).

01 biển số xe 93T3-8073, không còn giá trị sử dụng đã chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành đề nghị tịch thu tiêu hủy (Biển số này Phạm Ngọc H2 cho rằng đã bán xe không còn liên quan).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đỗ Văn Đ đã nhận lại tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Chiếc xe của bị hại anh N1 không thu hồi Đ nên bị hại anh Nguyễn Minh N1 vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu Đ bồi thường số tiền theo kết luận định giá tài sản và không yêu cầu gì thêm. Bị cáo H và bị cáo T đồng ý cùng bồi thường số tiền 11.500.000 đồng cho anh Nguyễn Minh N1. Do đó, đề nghị xét buộc bị cáo H và bị cáo T liên đới bồi thường số tiền 11.500.000 đồng cho anh Nguyễn Minh N1.

**Ý kiến của bị cáo:** Các bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành.

**Bị cáo nói lời nói sau cùng:** Các bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và không có người nào có ý kiến hoặc KH2 nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Xét họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử và đại diện Viện kiểm sát đề nghị vẫn tiến hành xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các chứng cứ khác Đ thu thập và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Phan Thanh H và bị cáo Lê Nguyễn Thu T không có nghề nghiệp ổn định, sống chung với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại nhà trọ thuộc xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Để có tiền tiêu xài từ ngày 24/3/2023 đến ngày 10/5/2023 bị cáo H vai trò chủ mưu rủ rê, trực tiếp thực hành cùng sự giúp sức của bị cáo T đã 02 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 24/3/2023, tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo Phan Thanh H và bị cáo Lê Nguyễn Thu T đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Đỗ Văn Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Fugiar, màu xanh, biển số 60H5-2407 có trị giá 1.600.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 10/5/2023, tại ấp 3, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo Phan Thanh H và bị cáo Lê Nguyễn Thu T tiếp tục có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Minh N1 01 chiếc xe mô tô Wave, màu xanh, biển số 95L1-008.00 có trị giá 11.500.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ quả tang.

Tổng giá trị tài sản do bị cáo H và bị cáo T chiếm đoạt cả 02 lần nêu trên là 13.100.000 đồng (*mười ba triệu một trăm nghìn đồng*).

[4]. Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân xấu, bị cáo T không có nhân thân xấu.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Thanh H thành khẩn khai báo, ăn năn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Nguyễn Thu T Đ hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân: Cần thiết pH áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 60H5-2407, số máy:152FM00004259, số khung: FG2020975, nhãn hiệu Fugiar, màu xanh, cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bị hại Đỗ Văn Đ nên không xem xét.

- 01 biển số xe 93T3-8073 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Đỗ Văn Đ không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Bị hại Nguyễn Minh N1 yêu cầu các bị cáo bồi thường theo như kết quả định giá. Tại phiên tòa bị cáo H và bị cáo T đồng ý cùng nhau bồi thường cho anh N1 theo như kết quả định giá tài sản nên buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Minh N1 số tiền 11.500.000 đồng (*mười một triệu năm trăm nghìn đồng*)

[10]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Đ chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo: Phan Thanh H và Lê Nguyễn Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ vào, khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Thu T 01 (một) năm tù. Thời gian tạm giữ 02 ngày từ ngày 10/5/2023 đến ngày 11/5/2023 Đ trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Thanh H và bị cáo Lê Nguyễn Thu T pH liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Minh N1 số tiền 11.500.000 đồng (*mười một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thanh H pH nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Nguyễn Thu T pH nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự: Bị cáo Phan Thanh H và bị cáo Lê Nguyễn Thu T pH liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 575.000 đồng (*năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Mỗi bị cáo pH nộp 287.500 đồng (*hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Long Thành;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự huyện Long Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ công an huyện Long Thành;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Hằng**



**Các hội thẩm nhân dân  
toà**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên**

